

NHỮNG NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH THAM DỰ THẦU CÁC GÓI THẦU TƯ VẤN GIÁM SÁT THI CÔNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH CỦA NHÀ THẦU

Trần Mạnh Linh

*Khoa Quản trị Kinh doanh, Đại học Kinh tế Quốc dân
Email: manhlinh@neu.edu.vn và linhtm.neu@gmail.com*

Trần Văn Hùng

*Viện Quản trị Kinh doanh, Đại học Kinh tế Quốc dân
Email: tvhung@bsneu.edu.vn và tvhung161260@gmail.com*

Ngày nhận: 24/7/2018

Ngày nhận bản sửa: 20/8/2018

Ngày duyệt đăng: 02/9/2018

Tóm tắt:

Những năm 2015 – 2017 hoạt động đấu thầu ở Việt Nam diễn ra càng ngày càng sôi động, tốc độ tăng lên không ngừng qua các năm cả về số lượng gói thầu và tổng giá trị đấu thầu, nhất là đấu thầu các gói thầu dịch vụ tư vấn, đấu thầu các gói thầu dịch vụ tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình. Mặc dù vậy, số lượng nhà thầu tham dự thầu các gói thầu dịch vụ tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình lại rất hạn chế, trung bình chỉ có từ 1,92 đến 2,08 nhà thầu tham dự thầu trên một cuộc đấu thầu. Nghiên cứu này được thực hiện nhằm phát hiện những nhân tố tác động đến quyết định tham dự thầu các gói thầu giám sát thi công xây dựng công trình của nhà thầu, từ đó đề xuất các giải pháp, khuyến nghị nhằm thúc đẩy sự tham dự thầu các gói thầu giám sát thi công xây dựng công trình của các nhà thầu.

Từ khóa: Đấu thầu, gói thầu tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình, quyết định tham dự thầu.

Mã JEL: A30

Factors Impacting on Making Bidder's Decision of Participating on Bidding of Construction Controlling Packages

Abstract:

During the years 2015 – 2017, biddings in Vietnam were highly increasing. Numbers of bidding packages and their total value are expanding yearly, especially with consultancy bidding packages as well as with bidding packages of construction controlling. However, the numbers of bidders participated on biddings of construction controlling are very low, only about 1.92 to 2.08 bidders on average for each bidding. This research was implemented to find out factors impacting on making bidder's decision of participating on biddings of construction controlling packages, providing solutions as well as recommendations to enhance participation of bidders on construction controlling biddings.

Keywords: Bidding, construction controlling bidding packages, making bidder's decision of participating on biddings.

JEL code: A30

1. Giới thiệu

Đấu thầu gói thầu dịch vụ tư vấn, gói thầu dịch vụ tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình (TCXDCT) trên địa bàn cả nước cũng như trên địa bàn thành phố Hà Nội là rất lớn và không ngừng tăng lên qua các năm 2015 đến 2017. Trên cả nước trong năm 2015 đã tiến hành đấu thầu 1.845 gói thầu dịch vụ tư vấn, trong năm 2016 con số đó đã tăng lên 6.132 và trong năm 2017, cả nước đã tổ chức 15.891 cuộc đấu thầu gói thầu dịch vụ tư vấn. Riêng trên địa bàn thành phố Hà Nội trong các năm 2015, 2016 và 2017 đã tổ chức đấu thầu lần lượt là 596, 1.590 và 3.603 gói thầu dịch vụ tư vấn. Xét riêng đối với các gói thầu dịch vụ tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình, trên cả nước trong ba năm 2015, 2016 và 2017 đã tổ chức lần lượt là 332, 1.165 và 2.987 cuộc đấu thầu. Trên địa bàn thành phố Hà Nội, cũng trong ba năm đó số cuộc đấu thầu gói thầu dịch vụ tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình lần lượt là 90, 278 và 744.

Tuy số lượng cuộc đấu thầu các gói thầu dịch vụ tư vấn, các gói thầu dịch vụ tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình lớn và tăng lên không ngừng như vậy, nhưng số lượng các nhà thầu thực tế tham dự thầu tính trung bình trên một cuộc đấu thầu rất hạn chế (từ 1,92 đến 2,08 nhà thầu tham dự). Con số nhà thầu tham dự thấp như trên là hoàn toàn không đáp ứng mong đợi của Chính phủ Việt Nam khi đưa mô hình mua sắm theo cơ chế đấu thầu vào áp dụng thay thế cho cơ chế kế hoạch hóa tập trung bị coi là cơ chế “xin, cho” rất kém hiệu quả trước đây.

Hơn thế nữa, hoạt động đấu thầu thời gian qua vẫn còn rất nhiều hạn chế như Thủ tướng Chính Phủ Nguyễn Xuân Phúc đã chỉ ra trong Chỉ thị số 47/CT-TTG ngày 27 tháng 12 năm 2017. Những hạn chế đó đã làm suy giảm sự tham dự đấu thầu của nhà thầu.

Để thúc đẩy sự tham gia của nhà thầu vào các cuộc đấu thầu các gói thầu tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình, nhóm tác giả thực hiện nghiên cứu “Những nhân tố tác động đến quyết định tham dự thầu các gói thầu dịch vụ tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình của nhà thầu” để từ đó đề ra các khuyến nghị, giải pháp cho các cơ quan có liên quan như Quốc hội, Cục Quản lý đấu thầu - Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các chủ đầu tư và các nhà thầu.

Do điều kiện không cho phép, nghiên cứu này được giới hạn đối với các cuộc đấu thầu gói thầu dịch

vụ tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình trên địa bàn thành phố Hà Nội và đặc biệt chỉ đề cập đến đối tượng là các nhà thầu tổ chức (các cơ quan, các doanh nghiệp).

2. Tổng quan nghiên cứu và cơ sở lý thuyết

Để hệ thống hóa được cơ sở lý thuyết cho nghiên cứu, nhóm tác giả đã tham khảo nhiều công trình nghiên cứu đã thực hiện, công bố trên thế giới cũng như trong nước liên quan đến chủ đề đấu thầu, nhân tố tác động đến quyết định tham dự thầu của nhà thầu.

Tổng quan các công trình nghiên cứu ngoài nước có thể kể đến nghiên cứu “Những nhân tố tác động đến quyết định tham dự thầu của nhà thầu trong ngành xây dựng Ả Rập Xê Út” của Abdulrahman Salem Bageis & Chris Fortune (2009); nghiên cứu “Những nhân tố quyết định ảnh hưởng đến quyết định tham dự thầu của các nhà thầu xây dựng của Qua Ta” do Abdulaziz M. Jarkas & cộng sự (2014) thực hiện; nghiên cứu của Anna Zarkada-Fraser (2000) “Phân loại những nhân tố tác động đến hành vi thông thầu”. Qua việc tổng qua các nghiên cứu trên, nhóm tác giả đã tập hợp được 8 nhân tố tác động đến quyết định tham dự thầu của nhà thầu gồm: (1) Sức hấp dẫn của gói thầu; (2) Mong đợi của nhà thầu; (3) Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu; (4) Luật pháp; (5) Quy định và thưởng của nhà thầu; (6) Cảm nhận của người ra quyết định; (7) Giá trị và niềm tin và (8) Nguồn đầu vào của hoạt động xây dựng công trình với 32 thang đo.

Nhóm tác giả cũng đã tham khảo nhiều công trình nghiên cứu trong nước cả về chủ đề rộng “những nhân tố tác động” như nghiên cứu “Đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến sự thành công của doanh nhân Việt Nam” của Nguyễn Văn Hà & Nguyễn Thành Hiếu (2016); nghiên cứu “Một số nhân tố tác động đến sự quan tâm tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện của người buôn bán nhỏ trên địa bàn tỉnh Nghệ An” của Nguyễn Xuân Cường, Nguyễn Xuân Thọ & Hồ Huy Tựu (2014); nghiên cứu có chủ đề hẹp liên quan đến đấu thầu của Nguyễn Thị Tiệp (1999) “Hoàn thiện chế độ đấu thầu trong xây dựng công trình giao thông đường bộ quốc gia ở Việt Nam”; nghiên cứu của Nguyễn Chí Thành (2003) với chủ đề “Một số giải pháp nâng cao khả năng cạnh tranh trong đấu thầu của các Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông”. Đánh giá chung, chưa

Bảng 1: Đề xuất nghiên cứu “Những nhân tố tác động đến quyết định tham dự thầu các gói thầu giám sát thi công xây dựng công trình của nhà thầu”

Nhân tố		Thang đo	
Mô tả	Mã hóa	Mô tả	Mã hóa
Sức hấp dẫn của gói thầu	SHDGT	Gói thầu có giá trị càng cao, khả năng quyết định tham dự thầu càng cao	SHDGT1
		Gói thầu có lợi ích càng nhiều, khả năng quyết định tham dự thầu càng cao	SHDGT2
		Tham dự thầu và trúng thầu càng làm tăng uy tín cho nhà thầu, khả năng quyết định tham dự thầu càng cao	SHDGT3
		Gói thầu có tính cạnh tranh càng cao, khả năng quyết định tham dự thầu càng cao	SHDGT4
Mong đợi của nhà thầu	MDCNT	Kỳ vọng thu được càng nhiều lợi ích cho nhà thầu, khả năng quyết định tham dự thầu càng cao	MĐCNT1
		Càng mong muốn tạo thêm nhiều việc làm cho nhà thầu, khả năng quyết định tham dự thầu càng cao	MĐCNT2
		Quyết định tham dự thầu vì tham dự thầu mới tạo cơ hội trúng thầu cho nhà thầu	MĐCNT3
		Càng mong muốn phát huy hơn nữa quan hệ tốt với bên mời thầu/chủ đầu tư và cá nhân có liên quan, khả năng quyết định tham dự thầu càng cao	MĐCNT4
		Đề tận dụng hơn nữa năng lực nhân rỗi của nhà thầu, khả năng quyết định tham dự thầu càng lớn	MĐCNT5
		Mong muốn phát huy hơn nữa kinh nghiệm thực hiện gói thầu tương tự, khả năng quyết định tham dự thầu càng lớn	MĐCNT6
		Lãnh đạo cấp cao của nhà thầu yêu cầu tham dự thầu, nên quyết định tham dự gói thầu	MĐCNT7
Năng lực kinh nghiệm thực hiện gói thầu của nhà thầu	NLKN	Càng thỏa mãn “yêu cầu đặc thù” đã nêu trong hồ sơ mời thầu, khả năng quyết định tham dự thầu càng cao	NLKN1
		Năng lực tài chính của nhà thầu càng thỏa mãn yêu cầu của gói thầu, khả năng quyết định tham dự thầu càng cao	NLKN2
		Năng lực chuyên môn kỹ thuật của nhà thầu càng phù hợp với yêu cầu của gói thầu, khả năng quyết định tham dự thầu càng cao	NLKN3
		Càng có nhiều kinh nghiệm thực hiện gói thầu tương tự, khả năng quyết định tham dự thầu càng cao	NLKN4
		Càng có nhiều kinh nghiệm tham dự đấu thầu gói thầu tương tự, khả năng quyết định tham dự thầu càng cao	NLKN5
Các quy định và thưởng	QĐVT	Nhà thầu có quy định càng chi tiết về thanh toán thù lao, bồi hoàn công sức và chi phí đã bỏ ra cho việc chuẩn bị hồ sơ dự thầu, khả năng quyết định tham dự thầu càng cao	QĐVT1
		Nhà thầu có quy định về chế độ thưởng càng chi tiết và hấp dẫn nếu thắng thầu, khả năng quyết định tham dự thầu càng cao	QĐVT2
Luật pháp	LP	Đấu thầu càng tuân thủ nghiêm chỉnh luật pháp, khả năng quyết định tham dự thầu càng cao	LP1
		Đấu thầu càng thúc đẩy tự do cạnh tranh, khả năng quyết định tham dự thầu càng lớn	LP2
		Người đứng đầu nhà thầu có ý thức trách nhiệm càng cao trong hoạt động đấu thầu, khả năng quyết định tham dự thầu của nhà thầu càng lớn	LP3
		Đấu thầu càng minh bạch, khả năng quyết định tham dự thầu càng cao	LP4
Giá trị và niềm tin	GTNT	Niềm tin rằng việc tham dự thầu càng thúc đẩy tự do cạnh tranh có ảnh hưởng lớn đến quyết định tham dự thầu của nhà thầu	GTNT1
		Việc phán xét càng nghiêm minh của bên mời thầu/chủ đầu tư về việc trúng thầu hay không trúng thầu, khả năng quyết định tham dự thầu càng cao	GTNT2

Bảng 1 (tiếp)

		Quyết định tham dự thầu gói thầu vì vẫn còn niềm tin vào giá trị đạo đức trong nghề nghiệp	GTNT3
Cảm nhận của người ra quyết định	CN	Trực giác mách bảo tôi quyết định tham dự thầu gói thầu	CN1
Thông tin đăng ký tham dự thầu của nhà thầu cạnh tranh	TTĐK	Trong danh sách đăng ký tham dự thầu gói thầu càng có nhiều nhà thầu đăng ký tham dự, khả năng quyết định tham dự thầu càng giảm đi	TTĐK1
		Danh sách đăng ký tham dự thầu xuất hiện “nhà thầu có tiềm năng trúng thầu cao hơn” tham dự có ảnh hưởng lớn đến quyết định tham dự thầu	TTĐK2
		Danh sách đăng ký tham dự thầu xuất hiện có “nhà thầu ruột”, “nhà thầu sân sau” của bên mời thầu/chủ đầu tư tham dự có ảnh hưởng lớn đến quyết định tham dự thầu	TTĐK3
		Danh sách đăng ký tham dự thầu xuất hiện dấu hiệu “quân xanh, quân đỏ” có ảnh hưởng lớn đến quyết định tham dự thầu	TTĐK4

Nguồn: Đề xuất của các tác giả dựa trên các nghiên cứu của Anna Zarkada Fraser (2000), Adnan Enshassi & cộng sự (2005), Jaakko Lemberg (2013)

có công trình nào trong nước đề cập đến các nhân tố tác động đến quyết định tham dự thầu đấu thầu các gói thầu dịch vụ tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình của nhà thầu.

Từ tổng quan nghiên cứu trên, nhóm tác giả chỉ ra khoảng trống nghiên cứu là: (i) Đã có những công trình nghiên cứu về chủ đề tương tự, nhưng chưa có kiểm định đối với các gói thầu dịch vụ tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình và cũng chưa có thực nghiệm tại Việt Nam; (ii) Theo kinh nghiệm và ý kiến của các chuyên gia đấu thầu trong lĩnh vực dịch vụ tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình ở Việt Nam, nhân tố thứ 8 như đã nêu ở trên chỉ phù hợp với đấu thầu gói thầu mua sắm hàng hóa, đấu thầu gói thầu xây lắp mà không có ý nghĩa với đấu thầu gói thầu dịch vụ tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình, vì nhà thầu cung cấp dịch vụ tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình không phải quan tâm đến việc lo nguồn cung đầu vào như xi măng, sắt thép, cát, đá, sỏi...; (iii) Tất cả các công trình nghiên cứu đó chưa có công trình nào đề cập đến một nhân tố được các nhà thầu Việt Nam rất quan tâm khi ra quyết định tham dự thầu là “Thông tin đăng ký tham dự thầu của các nhà thầu cạnh tranh”.

Từ cơ sở lý thuyết trên, nghiên cứu này đề xuất mô hình nghiên cứu “Những nhân tố tác động đến quyết định tham dự thầu các gói thầu dịch vụ tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình của nhà thầu ở Việt Nam” với địa bàn thành phố Hà Nội gồm 8 nhân tố với 30 thang đo, trong đó có nhân tố mới với

4 thang đo cần được kiểm chứng. Bảng 1 tổng hợp đề xuất nghiên cứu của nhóm tác giả.

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Quy trình nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu kết hợp giữa nghiên cứu định lượng và nghiên cứu định tính với quy trình có thể được mô tả tóm tắt ở Hình 1.

3.2. Thu thập dữ liệu

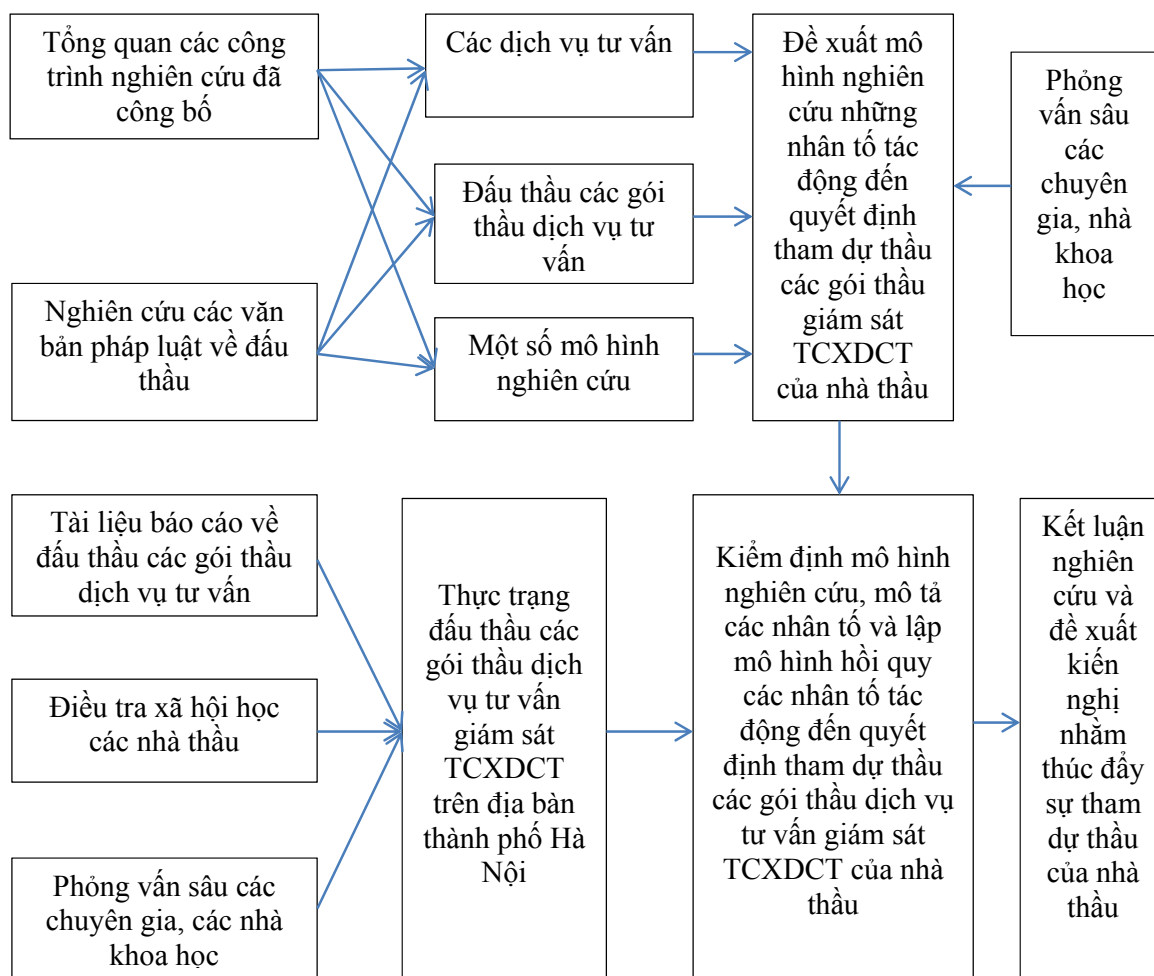
Dữ liệu được thu thập từ hai nguồn chính gồm dữ liệu thứ cấp và dữ liệu sơ cấp. Dữ liệu thứ cấp được thu thập từ các nguồn như các báo cáo tình hình thực hiện công tác đấu thầu; các công trình nghiên cứu đã được công bố trên thế giới và trong nước; các ghi chép về các cuộc đấu thầu ... Dữ liệu sơ cấp được thu thập từ hai nguồn là phỏng vấn sâu và điều tra xã hội học các nhà thầu trên địa bàn thành phố Hà Nội.

3.2.1. Phỏng vấn sâu

5 chuyên gia về đấu thầu là những đại diện của nhà thầu đã từng tham dự đấu thầu các gói thầu dịch vụ tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình và 5 nhà khoa học (Giáo sư, Phó giáo sư và Tiến sỹ) đã từng là đại diện hợp pháp nhà thầu tham dự thầu các gói thầu dịch vụ tư vấn và am hiểu về đấu thầu đã được phỏng vấn.

Nội dung phỏng vấn bao gồm: (1) Ý kiến của các chuyên gia về các nhân tố tác động đến quyết định tham dự đấu thầu các gói thầu dịch vụ tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình của nhà thầu; (2) Ý kiến của các chuyên gia về việc thêm bớt hay loại bỏ nhân tố/thang đo; (3) Ý kiến của chuyên gia về

Hình 1: Quy trình nghiên cứu thực hiện



Nguồn: Tổng hợp của nhóm nghiên cứu.

các kết quả nghiên cứu sau khi chạy dữ liệu thu thập trên phần mềm thống kê SPSS; (4) Ý kiến của các chuyên gia về thực trạng đấu thầu gói thầu giám sát thi công xây dựng công trình và (5) Những ý kiến của chuyên gia nhằm thúc đẩy sự tham gia của nhà thầu trong các cuộc đấu thầu gói thầu giám sát thi công xây dựng công trình.

3.2.2. Điều tra xã hội học

Điều tra xã hội học được tiến hành theo hai bước: điều tra xã hội học sơ bộ và điều tra xã hội học chính thức.

- Điều tra xã hội học sơ bộ

Nhóm nghiên cứu đã điều tra ý kiến của 50 nhà thầu trên địa bàn thành phố Hà Nội đã từng tham gia đấu thầu gói thầu giám sát thi công xây dựng công trình được lựa chọn theo phương pháp “thuận tiện” để có được các nhân tố và các thang đo hợp lý tác động đến quyết định tham dự đấu thầu các gói thầu

dịch vụ tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình của nhà thầu. Câu hỏi được hỏi là: nhân tố/thang đo nào ảnh hưởng đến quyết định tham dự đấu thầu các gói thầu dịch vụ tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình của nhà thầu? có 8 nhân tố được đưa vào lựa chọn với 32 thang đo. Sau điều tra xã hội học sơ bộ, mô hình nghiên cứu giữ lại 8 nhân tố với 30 thang đo.

- Điều tra xã hội học chính thức

Mục tiêu của cuộc điều tra xã hội học chính thức là có được bộ dữ liệu giúp kiểm định và kết luận mô hình “những nhân tố tác động đến quyết định tham dự đấu thầu các gói thầu dịch vụ tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình của nhà thầu”.

Đối tượng điều tra là đại diện hợp pháp của các nhà thầu trên địa bàn thành phố Hà Nội đã từng tham dự đấu thầu gói thầu dịch vụ tư vấn, đặc biệt là đã từng tham dự đấu thầu gói thầu giám sát thi công

Bảng 2: Ma trận xoay hệ số tải nhân tố sau 2 vòng xoay nhân tố

Thang đo	Nhân tố					
	1	2	3	4	5	6
MĐCNT1	0,801					
MĐCNT5	0,796					
MĐCNT3	0,777					
MĐCNT7	0,766					
MĐCNT6	0,758					
MĐCNT4	0,738					
MĐCNT2	0,736					
NLKN4		0,839				
NLKN1		0,816				
NLKN3		0,802				
NLKN5		0,785				
LP1			0,909			
LP4			0,897			
LP3			0,863			
TTĐK3				0,821		
TTĐK4				0,803		
TTĐK2				0,784		
TTĐK1				0,698		
SHDGT2					0,853	
SHDGT1					0,837	
SHDGT3					0,819	
QĐVT1						0,899
QĐVT2						0,838

Nguồn: Kết quả phân tích nhân tố khám phá EFA tài liệu thu thập năm 2018.

xây dựng công trình.

Quy mô mẫu điều tra được xác định dựa vào công thức xác định cỡ mẫu điều tra tối thiểu của J.F. Hair & cộng sự (1998): $n = 50 + a * k$, trong đó, a là tỷ lệ quan sát/một biến (với quy định $a \geq 5$) và k là số lượng tiêu chí đo lường (số lượng thang đo). Với tỷ lệ a tối thiểu là 5 và số tiêu chí đo lường (số lượng thang đo) là 30. Quy mô mẫu tối thiểu là $50 + 5 * 30 = 200$ phiếu trả lời hợp lệ.

Nhóm tác giả tiến hành cuộc điều tra với phương pháp “chọn mẫu ngẫu nhiên hệ thống” với phân tử đầu tiên là 10 và khoảng cách giữa các phân tử là 10. Cụ thể là, dựa vào danh sách 15.031 nhà thầu đã đăng ký và được Cục Quản lý Đấu thầu, Bộ Kế hoạch và Đầu tư xét duyệt và cấp phép tham dự đấu thầu các gói thầu tổ chức trên địa bàn thành phố Hà Nội tính từ ngày 17 tháng 11 năm 2010 đến hết ngày 11 tháng 5 năm 2017, nhóm nghiên cứu đã lựa chọn ngẫu nhiên phân tử đầu tiên của mẫu (phân tử số 10). Các phân tử tiếp theo được chọn theo công thức $10 +$ khoảng cách giữa các phân tử được lựa chọn. Như vậy có 1.503 phân tử có số thứ tự 10, 20, 30, 40,... và 15.030 được lựa chọn để gửi phiếu điều tra.

Phiếu điều tra được thiết kế thành dạng bảng hỏi có sử dụng thang đo Likert 5 cấp độ tăng dần từ 1 đến 5, trong đó 1 là hoàn toàn không đồng ý, 5 là

hoàn toàn đồng ý. Sau khi có được phiếu câu hỏi hoàn thiện, nhóm nghiên cứu đã gửi phiếu điều tra trực tiếp và gián tiếp đến 1.503 nhà thầu có tên trong mẫu điều tra đã được lựa chọn. Kết quả, công trình nghiên cứu đã nhận được 272 phiếu trả lời hợp lệ phù hợp với yêu cầu và quy mô mẫu điều tra tối thiểu.

3.3. Phân tích dữ liệu

Phần mềm SPSS 22 và các công cụ hỗ trợ khác như Excel được sử dụng để phân tích bộ dữ liệu. Trên phần mềm SPSS, nhóm tác giả tiến hành phân tích nhân tố khám phá (EFA) và kiểm định độ tin cậy Chronbach's Alpha để loại bỏ các thang đo, nhân tố không đủ độ tin cậy. Nghiên cứu cũng áp dụng phân tích hồi quy để thiết lập mối quan hệ giữa các nhân tố (biến độc lập) với quyết định tham dự thầu của nhà thầu (biến phụ thuộc).

Từ mô hình hồi quy này, nhóm nghiên cứu xác định được thứ tự các nhân tố theo mức độ ảnh hưởng từ cao nhất đến thấp nhất đến quyết định tham dự đấu thầu gói thầu tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình của nhà thầu trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Ngoài ra, công trình nghiên cứu còn áp dụng các phương pháp tổng hợp, phân tích, diễn giải, quy nạp

Bảng 3: Tổng hợp kết quả phân tích độ tin cậy Chronbach's Alpha

	Trung bình của thang đo nếu loại biến	Phương sai của thang đo nếu loại biến	Hệ số tương quan biến tổng	Chronbach's Alpha nếu loại thang đo
Chronbach's Alpha: 0,806. Số thang đo (Number of Items): 3				
SHDGT1	7,65	1,772	0,658	0,730
SHDGT2	7,59	1,807	0,662	0,725
SHDGT3	7,61	1,854	0,639	0,749
Chronbach's Alpha: 0,889. Số thang đo (Number of Items): 7				
MĐCNT1	22,94	11,728	0,726	0,868
MĐCNT2	22,97	12,394	0,658	0,876
MĐCNT3	22,94	12,044	0,678	0,874
MĐCNT4	22,94	12,340	0,650	0,877
MĐCNT5	22,89	11,948	0,700	0,871
MĐCNT6	22,94	12,085	0,691	0,872
MĐCNT7	22,92	12,115	0,680	0,874
Chronbach's Alpha: 0,850. Số thang đo (Number of Items): 4				
NLKN1	11,28	3,789	0,890	0,810
NLKN3	11,22	3,828	0,708	0,802
NLKN4	11,25	3,969	0,709	0,802
NLKN5	11,35	3,964	0,654	0,825
Chronbach's Alpha: 0,794. Số thang đo (Number of Items): 2				
QĐVT1	3,58	0,444	0,660	-
QĐVT2	3,51	0,494	0,660	-
Chronbach's Alpha: 0,916. Số thang đo (Number of Items): 3				
LP1	8,17	1,226	0,892	0,832
LP3	8,17	1,233	0,806	0,898
LP4	8,15	1,194	0,799	0,907
Chronbach's Alpha: 0,789. Số thang đo (Number of Items): 4				
TTĐK1	9,63	3,016	0,535	0,767
TTĐK2	9,69	2,790	0,604	0,733
TTĐK3	9,66	2,645	0,649	0,709
TTĐK4	9,66	2,749	0,601	0,735

Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu điều tra năm 2018 của nhóm tác giả.

để giải quyết vấn đề.

4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

Dưới đây là những kết quả nghiên cứu chủ yếu:

Thứ nhất, bằng phương pháp phân tích, tổng hợp có phê phán các khái niệm trước đây của các nhà nghiên cứu về “quyết định tham dự thầu” nhóm tác giả đã đưa ra khái niệm mới phù hợp hơn với những quy định của pháp luật đấu thầu ở Việt Nam. Khái niệm mới đề xuất đó là “*Quyết định tham dự đấu thầu một gói thầu của nhà thầu là sự khẳng định “có” hay “không” tham dự đấu thầu của người đứng đầu nhà thầu (hoặc người được ủy quyền). Sự khẳng định này được thể hiện bằng việc có đăng ký tham dự thầu và có hồ sơ dự thầu nộp cho bên mời thầu trước thời điểm đóng thầu*”.

Thứ hai, nhóm tác giả đã thực hành phân tích nhân tố khám phá EFA và kiểm định độ tin cậy Chronbach's Alpha để loại bỏ những thang đo/biến không phù hợp với mô hình nghiên cứu. Sau 2 vòng

phân tích EFA, công trình nghiên cứu đã có được mô hình nghiên cứu còn 6 nhân tố với 23 thang đo tác động đến quyết định tham dự thầu các gói thầu giám sát thi công xây dựng công trình của nhà thầu với các kết quả thống kê hợp lệ (minh chứng tại bảng 2 và bảng 3).

- Hệ số KMO = 0,807 > 0,5 với mức ý nghĩa Sig. = 0,000 < 0,05;

- Độ hội tụ với hệ số tải nhân tố (Factor Loading) của mỗi thang đo > 0,5;

- Giá trị phân biệt (Discriminant Validity): nếu xuất hiện hệ số tải nhân tố của bất kỳ thang đo nào trên hai nhân tố thì khoảng cách giữa hai giá trị đó phải lớn hơn 0,3;

- Tổng phương sai trích nhân tố là 69,832 > 0,5 và giá trị eigenvalue là 1,463 > 1.

Có 7 thang đo gồm: SHDGT4, NLKN2, LP2, GTNT1, GTNT2, GTNT3 và CN1 và 2 nhân tố (giá trị niềm tin và cảm nhận của người ra quyết định) bị

Bảng 4: Trích kết quả phân tích tương quan Pearson

	QĐTDT	SHDGT	MĐCNT	NLKN	LP	QĐVT	TTĐK
Hệ số Pearson	1	0,317	0,381	0,626	0,514	0,334	-0,329
QĐTDT Sig. (2 đuôi)		0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000
N (số quan sát)	272	272	272	272	272	272	272

Nguồn: Kết quả phân tích bộ dữ liệu điều tra của tác giả năm 2018.

loại bỏ do độ hội tụ và độ phân biệt thấp. Bảng 3 cho thấy độ tin cậy Chronbach's Alpha đối với 6 nhân tố và 23 thang đo còn lại đều đảm bảo yêu cầu.

Cụ thể:

- Cả 6 hệ số Chronbach's Alpha của 6 nhân tố đều lớn hơn 0,6 và nhỏ hơn 1.

- Tất cả 23 thang đo đều có hệ số tương quan biến tổng lớn hơn 0,3;

- Tất cả các hệ số Chronbach's Alpha nếu thang đo bị loại của các thang đo thuộc từng nhân tố đều nhỏ hơn hệ số Chronbach's Alpha tổng của nhân tố.

Thứ ba, công trình nghiên cứu đã thực hiện phân tích tương quan Pearson giữa các nhân tố (biến độc lập) với quyết định tham dự thầu của nhà thầu (biến phụ thuộc) và giữa các nhân tố với nhau để kiểm định xem có sự tương quan tuyến tính giữa các nhân tố với biến phụ thuộc hay không?

Bảng 4 cho kết luận là có sự tương quan tuyến tính chặt chẽ giữa 6 nhân tố SHDGT, MĐCNT, NLKN, LP, QĐVT và TTĐK với quyết định tham dự thầu các gói thầu giám sát thi công xây dựng công trình của nhà thầu (QĐTDT) vì tất cả các hệ số Pearson thể hiện mối quan hệ giữa biến phụ thuộc QĐTDT và các biến độc lập đều có mức ý nghĩa Sig. (2 đuôi) nhỏ hơn 0,05 (J.F. Hair & cộng sự, 1998). Đây là cơ sở quan trọng cho việc phân tích hồi quy đa biến trên phần mềm SPSS.

Thứ tư, công trình nghiên cứu đã thực hành phân tích hồi quy đa biến giữa 6 nhân tố với biến phụ thuộc quyết định tham dự thầu các gói thầu giám sát thi công xây dựng công trình của nhà thầu. Bảng 5,

6 đã tóm tắt các kết quả mô hình hồi quy.

Mô hình hồi quy có giá trị R bình phương hiệu chỉnh bằng 0,625 > 0,5 nên rất có ý nghĩa khoa học và thực tiễn. Kết quả hồi quy có độ tin cậy cao vì mức ý nghĩa Sig. của mô hình là 0,000 nhỏ hơn 0,005.

Các hệ số của mô hình hồi quy được thể hiện trên bảng 7.

Từ bảng 7, mô hình hồi quy được thiết lập dựa trên các hệ số hồi quy chuẩn hóa Beta có dạng như sau:

$$QĐTDT = 0,127 SHDGT + 0,178 MĐCNT + 0,437 NLKN + 0,279 LP + 0,092 QĐVT - 0,206 TTĐK$$

Theo mô hình hồi quy trên, quyết định tham dự thầu các gói thầu giám sát thi công xây dựng công trình của nhà thầu trên địa bàn thành phố Hà Nội phụ thuộc vào 6 nhân tố. Trong đó, có 5 nhân tố tác động cùng chiều với quyết định tham dự thầu và có một nhân tố tác động ngược chiều là nhân tố thông tin đăng ký tham dự thầu của các nhà thầu cạnh tranh - TTĐK. Kết quả phân tích hồi quy cho thấy không xảy ra hiện tượng đa cộng tuyến, vì tất cả 6 hệ số phóng đại VIP đều nhỏ hơn 2.

Trừ tác động ngược chiều của nhân tố “Thông tin đăng ký tham dự thầu của nhà thầu cạnh tranh – TTĐK”, thứ tự tác động của 5 nhân tố còn lại như sau:

- Nhân tố ảnh hưởng nhất là nhân tố “Năng lực kinh nghiệm nhà thầu – NLKN” với hệ số tác động là 0,437;

Bảng 5: Tóm tắt mô hình hồi quy^a

Mô hình	R	R bình phương	R bình phương hiệu chỉnh	Sai số chuẩn của ước lượng
1	0,789 ^b	0,632	0,625	0,217

Chú thích: a. Biến phụ thuộc: QĐTDT; b. Các chỉ báo, biến độc lập: Hằng số, TTĐK, LP, QĐVT, NLKN, MĐCNT, SHDGT

Nguồn: Kết quả phân tích bộ dữ liệu điều tra của tác giả năm 2018.

Bảng 6: Kết quả kiểm định hồi quy ANOVA^a

Mô hình (Model)	Tổng các bình phương	Df	Bình phương của trung bình	F	Sig.
1 Hồi quy (Regression)	20,642	6	3,440	73,074	0,000 ^b
Phần dư (Residual)	12,476	265	0,047		
Tổng số (Total)	33,118	271			

a. Biến phụ thuộc: QĐTDT; b. Các chỉ báo, biến độc lập: Hàng số, TTĐK, LP, QĐVT, NLKN, MĐCNT, SHDGT.

Nguồn: Kết quả phân tích bộ dữ liệu điều tra của tác giả năm 2018.

- Nhân tố ảnh hưởng thứ hai là nhân tố “Luật pháp – LP” với hệ số tác động là 0,279;

- Nhân tố có tác động thứ ba là nhân tố “Mong đợi của nhà thầu – MĐCNT” với hệ số tác động là 0,178;

- Nhân tố có tác động thứ tư là nhân tố “Sức hấp dẫn của gói thầu – SHDGT” với hệ số tác động là 0,127;

- Nhân tố có tác động nhỏ nhất là nhân tố “Quy định và thưởng – QĐVT” với hệ số tác động là 0,092.

Mô hình trên cùng các số liệu thu thập được cho phép giải thích vì sao thời gian qua số lượng nhà thầu tham dự đấu thầu còn hạn chế. Nhân tố luật pháp có giá trị bình quân là 4,08 đã khẳng định việc vi phạm pháp luật cố tình hay vô ý đều có ảnh hưởng rất lớn đến quyết định tham dự thầu của nhà thầu. Nếu các hành vi vi phạm không bị ngăn chặn sẽ làm cho nhà thầu tránh xa các cuộc đấu thầu. Nhân tố năng lực kinh nghiệm nhà thầu có điểm bình quân là 3,76 là nhân tố quan trọng nhất. Số liệu trên khẳng định rằng nhà thầu lo lắng việc có những quy định về yêu cầu năng lực kinh nghiệm giả tạo được đưa vào hồ sơ mời thầu (HSMT) dựa vào ưu thế của một

nhà thầu nào đó sẽ một mặt không đánh giá đúng năng lực của nhà thầu, mặt khác khiến nhà thầu từ bỏ tham dự thầu.

Thứ năm, nhân tố thông tin đăng ký tham dự thầu của các nhà thầu cạnh tranh – TTĐK có điểm bình quân là 3,22 là nhân tố mới được nhóm tác giả phát hiện và bổ sung vào mô hình nghiên cứu với 4 thang đo: TTĐK1, TTĐK2, TTĐK3 và TTĐK4 là nhân tố thứ sáu có tác động đến quyết định tham dự thầu chính thức. Ngay cả khi đã đăng ký tham dự thầu và chuẩn bị hồ sơ dự thầu, nhưng một khi có được thông tin có độ chính xác cao về tham dự thầu của các đối thủ cạnh tranh như: (1) danh sách đăng ký tham dự thầu có nhiều nhà thầu tham dự (TTĐK1); hoặc (2) danh sách đăng ký tham dự thầu xuất hiện nhà thầu có tiềm năng trúng thầu cao; hoặc (3) xuất hiện nhà thầu “ruột” của bên mời thầu/chủ đầu tư; và (4) có hiện tượng quân xanh, quân đỏ thì khả năng quyết định không tham dự thầu của nhà thầu sẽ tăng lên. Đây là đóng góp mới của nhóm nghiên cứu.

5. Kết luận và khuyến nghị giải pháp

Từ nghiên cứu trên đây, nhóm tác giả đã rút ra kết luận rằng: có 6 nhân tố tác động đến quyết định tham dự thầu các gói thầu dịch vụ tư vấn giám sát

Bảng 7: Các hệ số của mô hình hồi quy^a

Mô hình	Hệ số hồi quy chưa chuẩn hóa		Hệ số hồi quy chuẩn hóa	t	Sig.	Thống kê đa cộng tuyến	
	B	Sai số chuẩn	Beta			Độ chấp nhận	Hệ số phóng đại VIP
1 (Hàng số)	1,836	0,175		10,480	0,000		
SHDGT	0,069	0,021	0,127	3,244	0,001	0,930	1,075
MĐCNT	0,109	0,024	0,178	4,528	0,000	0,915	1,093
NLKN	0,238	0,022	0,437	10,705	0,000	0,854	1,171
LP	0,180	0,027	0,279	6,738	0,000	0,832	1,202
QĐVT	0,052	0,023	0,092	2,293	0,023	0,879	1,137
TTĐK	-0,134	0,025	-0,206	-5,386	0,000	0,970	1,031

Chú thích: a. Biến phụ thuộc: QĐTDT

Nguồn: Kết quả phân tích bộ dữ liệu điều tra của tác giả năm 2018.

thi công xây dựng công trình của nhà thầu trên địa bàn thành phố Hà Nội với 30 thang đo gồm (1) nhân tố năng lực kinh nghiệm của nhà thầu – NLKN với 4 thang đo, đây là nhân tố tác động mạnh nhất đến quyết định tham dự thầu của nhà thầu; (2) nhân tố luật pháp – LP với 3 thang đo; (3) nhân tố mong đợi của nhà thầu – MĐCNT với 7 thang đo; (4) nhân tố sức hấp dẫn của gói thầu – SHDGT với 3 thang đo; (5) nhân tố quy định và thưởng – QĐVT với 2 thang đo; và (6) nhân tố thông tin đăng ký tham dự thầu của nhà thầu cạnh tranh – TTĐK với 4 thang đo.

Ngoài 5 nhân tố đầu đã từng được các nhà khoa học nghiên cứu trước đây chứng minh có tác động thuận chiều tới quyết định tham dự thầu của nhà thầu và đã được nhóm tác giả kiểm định tại Hà Nội, nhóm tác giả đã khám phá và kiểm chứng nhân tố mới là nhân tố thông tin đăng ký tham dự thầu của nhà thầu cạnh tranh - TTĐK. Nhân tố mới này có tác động ngược chiều tới quyết định tham dự thầu các gói thầu dịch vụ tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình của nhà thầu với 4 thang đo (xem bảng 1).

Từ kết quả nghiên cứu này, nhóm tác giả kiến nghị một số giải pháp nhằm thúc đẩy sự tham dự đấu thầu các gói thầu giám sát thi công xây dựng công trình của nhà thầu.

Bổ sung vào luật đấu thầu quy định “Nghiêm cấm việc đưa những yêu cầu đặc thù của gói thầu” vào hồ sơ mời thầu

Đây là kẽ hở lớn thường bị bên mời thầu lợi dụng đưa vào HSMT để ngăn cản sự tham gia của nhà thầu. Họ thường tìm ra những “nét đặc thù” để đưa vào HSMT. Đây là yêu cầu giả tạo về năng lực của nhà thầu nhưng ngăn cản sự tham dự thầu của nhà thầu. Cần phải nghiêm cấm hành vi sai trái này.

Điều chỉnh, bổ sung Luật đấu thầu nội dung ghi rõ “Nghiêm cấm hành vi chia nhỏ gói thầu thiếu căn cứ xác đáng”

Việc chia nhỏ gói thầu tùy tiện hoặc có chủ đích thời gian qua đã làm giảm đáng kể sức hấp dẫn của gói thầu. Hơn thế nữa nó còn có hại như: làm mất đi tính đồng bộ của cả công trình xây dựng, làm giảm chất lượng công trình do có nhiều nhà thầu giám sát các phần khác nhau theo các cách khác nhau. Vì vậy phải nghiêm cấm để không thể xảy ra với bất kỳ lý do thiếu xác đáng nào.

Tăng cường kiểm tra, kiểm soát hoạt động đấu thầu và xử lý thật nghiêm những sai phạm phát

sinh ngăn cản sự tham gia của nhà thầu

Rất nhiều những hành vi sai trái đã được bên mời thầu/chủ đầu tư áp dụng nhằm hạn chế sự tham gia của nhà thầu như: thông tin có nhà thầu rất mạnh tham gia; thông tin về việc có nhà thầu có quan hệ thân thiết với ai đó, thậm chí cả hành vi không bán hồ sơ mời thầu dù thời gian vẫn còn dài; hiện tượng quân xanh, quân đỏ...

Những hành vi trên nhằm tăng khả năng thắng thầu cho nhà thầu “mục tiêu”, nhà thầu “sân sau”... đã ngăn cản sự tham gia của nhiều nhà thầu tiềm năng. Cần phải tăng cường kiểm tra, kiểm soát để phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi sai trái đó.

Chấn chỉnh mạnh mẽ công tác đào tạo về đấu thầu cho đội ngũ chuyên môn về đấu thầu

Đội ngũ chuyên môn về đấu thầu là lực lượng nòng cốt thực hiện pháp luật về đấu thầu. Việc họ thiếu chuyên môn, chuyên môn yếu sẽ ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng đấu thầu, làm suy giảm niềm tin của nhà thầu và do đó làm giảm nỗ lực tham dự thầu của nhà thầu.

Thời gian vừa qua hoạt động đào tạo về đấu thầu ở Việt Nam nói chung, trên địa bàn thành phố Hà Nội nói riêng còn nhiều hạn chế (thời gian và nội dung đào tạo bị cắt xén, thiếu trang bị kiến thức thực tế, đánh giá qua loa,...). Vì vậy cần chấn chỉnh mạnh mẽ công tác đào tạo về đấu thầu, nhất là cần thanh tra chất lượng hoạt động đào tạo về đấu thầu để có được những chuyên gia thực sự đáp ứng yêu cầu.

Nhà thầu cần có quy định rõ ràng về bồi hoàn chi phí chuẩn bị tham dự thầu và khuyến khích những người tham gia công tác chuẩn bị tham dự thầu

Nỗi lo lớn nhất của những người tham gia chuẩn bị đấu thầu là những chi phí họ đã bỏ ra có được công nhận và bồi hoàn không khi không trúng thầu? Nếu trúng thầu, những người chuẩn bị có được khuyến khích gì không?... Để khuyến khích những chuyên gia chuẩn bị tốt cho cuộc đấu thầu, nhà thầu cần có những quy định chi tiết trả lời các câu hỏi đó. Những quy định đó sẽ là tác nhân đẩy mạnh quyết định tham dự đấu thầu.

Tài liệu tham khảo:

- Abbulrahman Salem Bageis & Chris Fortune (2009), 'Factors affecting the bid/no bid decision in the Saudi Arabian construction constructors', *The Journal of Construction and Management and Economics*, 27(1), 53 - 71.
- Abdulaziz M. Jarkas, P.Eng, Salah A. Mubarak & Charles Y. Kadri (2014), 'Critical factors determining Bid/No Bid decisions of Constructions in Qatar', *The Journal of Management Engineering*, 30(4).
- Adnan Enshassi, Ala' a El Karriri & Sherif Mohamed (2005), 'Factors affecting bid/no bid decision in Gaza Strip – Constructors' Perspective', *The Journal of Financial Management of Property and Construction*, 15(2), 118-142.
- Anna Zarkada-Fraser (2000), 'A classification of factors influencing participation in collusive tendering agreements', *The Journal of Business Ethic*, 23, 269-282.
- J.F. Hair, Jr. Rolph E. Anderson, Ronal L. Tatham & William C. Black (1998), *Multivariate Data Analysis*, (Fifth edition), Prentice-Hall International Inc.
- Jaakko Lemberg (2013), '*Factors influencing the bid/no bid decision making and success of contract bids in the telecommunication industry*', MBA thesis of University of Twente, Netherlands.
- Nguyễn Chí Thành (2003), 'Một số giải pháp nâng cao khả năng cạnh tranh trong đấu thầu của các Tổng công ty xây dựng công trình giao thông', Luận án Tiến sỹ kinh tế, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.
- Nguyễn Thị Tiếp (1999), 'Hoàn thiện chế độ đấu thầu trong xây dựng công trình giao thông đường bộ quốc gia ở Việt Nam', Luận án Tiến sỹ Kinh tế, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.
- Nguyễn Văn Hà & Nguyễn Thành Hiếu (2016), 'Đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến sự thành công của doanh nhân Việt Nam', *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*, 227(II), 2-9.
- Nguyễn Xuân Cường, Nguyễn Xuân Thọ & Hồ Huy Trụ (2014), 'Một số nhân tố ảnh hưởng đến sự quan tâm tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện của người buôn bán nhỏ trên địa bàn tỉnh Nghệ An', *Tạp chí Kinh tế và Kinh doanh*, Đại học Quốc gia Hà Nội, 30(1), 36 - 45.